Signature Not Verified
Được ký bởi HẦU VĂN TUẤN
Ngày ký: 29.08.2016 09:51

RSM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 29 tháng 06 năm 2016 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 36.000.000.000 VND.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ	
Ông Lê Đình Hiển	Chủ tịch	
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên	
Ông Bùi Trung Trực	Thành viên	
Ông Lê Đình Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2016
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2016
Ông Mai Văn Dương	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2016
Ông Lê Văn Quý	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2016

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ	
Ông Tô Văn An	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2016
Ông Vũ Hồng Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2016
Ông Lê Huy Sáu	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2016
Bà Nguyễn Thị Liên	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2016
Bà Phạm Thị Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2016
Ông Tô Văn An	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2016

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Đình Hiển	Tổng Giám đốc
Ông Kim Ngọc Đảng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Lê Đình Hiển
Tổng giám đốc
Lâm Đồng, ngày 29 tháng 08 năm 2016

RSM

RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

www.rsm.com.vn

Số: 17.128/BCSX-RSM

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng, được lập ngày 29 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

RSM

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

M.S.D.N: 0302361789 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2013-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2016

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**70.520.355.686**	**91.509.873.681**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5.1	**18.440.266.203**	**11.136.501.553**
1. Tiền	111		18.440.266.203	9.436.501.553
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.700.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**40.906.662.282**	**72.770.372.128**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	37.266.687.866	62.552.740.826
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.099.092.810	458.491.200
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	99.580.000	7.369.580.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	1.441.301.606	2.389.560.102
III. Hàng tồn kho	**140**	5.7	**10.204.700.478**	**7.603.000.000**
1. Hàng tồn kho	141		10.204.700.478	7.603.000.000
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**968.726.723**	**-**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		968.726.723	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**94.560.571.549**	**99.884.007.339**
II. Tài sản cố định	**220**		**26.213.375.514**	**31.940.769.839**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	24.163.375.514	29.690.769.839
Nguyên giá	222		86.159.590.681	86.776.550.216
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.996.215.167)	(57.085.780.377)
2. Tài sản cố định vô hình	227		2.050.000.000	2.250.000.000
Nguyên giá	228		2.050.000.000	2.250.000.000
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**403.958.535**	**-**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		403.958.535	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	5.2	**67.943.237.500**	**67.943.237.500**
1. Đầu tư vào công ty con	251		67.943.237.500	67.943.237.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**165.080.927.235**	**191.393.881.020**

(Xem trang tiếp theo)

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**38.883.781.309**	**64.369.515.253**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**38.883.781.309**	**64.369.515.253**
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	16.824.013.621	21.885.611.408
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	14.376.280.900	8.796.761.280
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	893.036.533	1.630.009.622
4. Phải trả người lao động	314		-	2.339.474.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.053.511.883	4.595.258.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	860.665.209	8.699.422.487
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	1.900.390.000	13.075.461.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.14	2.677.694.260	3.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		298.188.903	347.517.456
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**126.197.145.926**	**127.024.365.767**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	5.16	**126.197.145.926**	**127.024.365.767**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.052.708.180	21.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		66.371.657.587	56.600.960.818
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.772.780.159	13.370.696.769
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.772.780.159	13.370.696.769
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**165.080.927.235**	**191.393.881.020**

Lê Đình Hiến	**Hầu Văn Tuấn**	**Nguyễn Ngọc Dũng**
Tổng giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 08 năm 2016

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	34.750.794.616	58.355.129.248
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		14.514.545	230.875.157
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		34.736.280.071	58.124.254.091
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	29.674.666.165	48.863.154.700
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.061.613.906	9.261.099.391
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	32.849.147	4.689.036.475
7. Chi phí tài chính	22	5.20	274.370.126	202.970.214
Trong đó, chi phí lãi vay	23		*263.390.114*	*191.940.202*
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	2.757.845.782	3.637.877.220
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.062.247.145	10.109.288.432
10. Thu nhập khác	31	5.22	1.403.778.072	2.329.181.319
11. Chi phí khác	32		50.018	80.537.972
12. Lợi nhuận khác	40		1.403.728.054	2.248.643.347
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.465.975.199	12.357.931.779
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	693.195.040	1.728.743.671
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.772.780.159	10.629.188.108

Lê Đình Hiền	**Hầu Văn Tuấn**	**Nguyễn Ngọc Dũng**
Tổng giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 08 năm 2016

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		3.465.975.199	12.357.931.779
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.587.394.325	4.973.780.778
Các khoản dự phòng	03		(322.305.740)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.432.849.147)	(7.017.654.785)
Chi phí lãi vay	06		263.390.114	191.940.202
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**7.561.604.751**	**10.505.997.974**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		24.593.709.846	5.732.526.672
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.601.700.478)	(1.293.406.190)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(13.698.972.855)	(4.046.839.866)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(968.726.723)	22.763.637
Tiền lãi vay đã trả	14		(263.390.114)	(191.940.202)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(933.250.836)	(1.339.955.750)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(49.328.553)	(105.845.455)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**13.639.945.038**	**9.283.300.820**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(463.958.535)	(17.612.727.417)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.600.000.000	2.611.818.184
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(6.664.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.934.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32.849.147	4.689.036.475
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**8.438.890.612**	**(10.311.872.758)**

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.25	24.283.746.445	9.676.659.400
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	5.26	(35.458.817.445)	(11.138.659.400)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.600.000.000)	(5.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(14.775.071.000)**	**(6.462.000.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**7.303.764.650**	**(7.490.571.938)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**11.136.501.553**	**12.602.983.441**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**		**18.440.266.203**	**5.112.411.503**

Lê Đình Hiển	**Hầu Văn Tuấn**	**Nguyễn Ngọc Dũng**
Tổng giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 08 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 29 tháng 06 năm 2016 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 36.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 97 nhân viên (31 tháng 12 năm 2015 là: 109 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có các công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ Phần Khai Thác Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	55,16%	55,16%	55,16%
Công ty Cổ Phần Hiệp Thành	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bố, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	60,02%	60,02%	33,11%
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	100,00%	55,16%
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	51,00%	51,00%	51,00%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2015.

5. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	452.015.364	902.582.706
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.988.250.839	8.533.918.847
Các khoản tương đương tiền	-	1.700.000.000
Cộng	**18.440.266.203**	**11.136.501.553**

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	44.822.810.000	157.536.960.000	44.822.810.000	110.182.100.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư & Xây Dựng 40 (*)	23.120.427.500	-	23.120.427.500	-
Cộng	**67.943.237.500**	**157.536.960.000**	**67.943.237.500**	**110.182.100.000**

(*): Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.3. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Công ty TNHH Đông Nam	4.646.937.948	4.646.937.948
TT QLKT Công Trình Công Cộng Huyện Đatẻh	4.107.661.525	4.107.661.525
BQLDA nâng cao chất lượng ATSPNN Lâm Đồng	-	9.622.475.500
Các khách hàng khác	28.512.088.393	44.175.665.853
Cộng	**37.266.687.866**	**62.552.740.826**
Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 5.27:		
Công ty CP Khoáng Sản & Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	625.165.717	745.347.854
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	254.315.241	377.849.628
Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng 40	-	5.214.854.666
Cộng	**879.480.958**	**6.338.052.148**

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty CP XL CK Lương Thực Thực Phẩm	746.549.996	-
Công ty CP Quản lý & Xây Dựng CT GT 487	200.000.000	200.000.000
Công ty CP Xây Dựng Số 1 Lâm Đồng	387.082.800	-
Công ty TNHH Lê Minh Thanh	200.000.000	-
Các đối tượng khác	565.460.014	258.491.200
Cộng	**2.099.092.810**	**458.491.200**

5.5. Phải thu cho vay ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng – Xem thêm mục 5.27	-	-	5.000.000.000	-
Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng 40 – Xem thêm mục 5.27	-	-	2.250.000.000	-
Phải thu cho vay cá nhân	99.580.000	-	119.580.000	-
Cộng	**99.580.000**	**-**	**7.369.580.000**	**-**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.6. Phải thu khác ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu cho Công ty Hà Hưng mượn nguyên liệu	697.509.717	-	1.047.158.500	-
Tạm ứng	743.791.889	-	1.342.401.602	-
Cộng	**1.441.301.606**	**-**	**2.389.560.102**	**-**

5.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.204.700.478	-	7.603.000.000	-
Cộng	**10.204.700.478**	**-**	**7.603.000.000**	**-**

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	1.569.266.331	76.072.438.122	8.601.212.674	533.633.089	86.776.550.216
Mua trong kỳ	-	-	-	60.000.000	60.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(157.011.249)	(383.360.649)	-	(136.587.637)	(676.959.535)
Tại ngày 30/06/2016	**1.412.255.082**	**75.689.077.473**	**8.601.212.674**	**457.045.452**	**86.159.590.681**
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	917.544.026	51.938.714.371	3.824.728.423	404.793.557	57.085.780.377
Khấu hao trong kỳ	21.142.356	4.986.947.706	542.527.638	36.776.625	5.587.394.325
Thanh lý, nhượng bán	(157.011.249)	(383.360.649)	-	(136.587.637)	(676.959.535)
Tại ngày 30/06/2016	**781.675.133**	**56.542.301.428**	**4.367.256.061**	**304.982.545**	**61.996.215.167**
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2016	651.722.305	24.133.723.751	4.776.484.251	128.839.532	29.690.769.839
Tại ngày 30/06/2016	**630.579.949**	**19.146.776.045**	**4.233.956.613**	**152.062.907**	**24.163.375.514**

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 42.672.958.592 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.9. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	-	-	19.583.746.445	31.266.817.445	11.683.071.000	11.683.071.000
Vay đối tượng khác	1.900.390.000	1.900.390.000	4.700.000.000	4.192.000.000	1.392.390.000	1.392.390.000
Cộng	**1.900.390.000**	**1.900.390.000**	**24.283.746.445**	**35.458.817.445**	**13.075.461.000**	**13.075.461.000**

Vay đối tượng khác là các khoản vay nhân viên Công ty dưới hình thức tín chấp, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn từ 12 tháng và chịu lãi suất từ 8%/năm, trong đó, khoản vay của bên liên quan là 470.000.000 VND – Xem thêm mục 5.27

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.10. Phải trả người bán

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:				
Công ty CP Nền móng và Xây Dựng ACC-BVA	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Phước Tiến	2.490.531.681	2.490.531.681	2.490.531.681	2.490.531.681
Công ty TNHH Hoàng Minh	2.320.577.820	2.320.577.820	1.489.276.820	1.489.276.820
Phải trả cho các đối tượng khác	10.012.904.120	10.012.904.120	14.905.802.907	14.905.802.907
Cộng	**16.824.013.621**	**16.824.013.621**	**21.885.611.408**	**21.885.611.408**
Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 5.27:				
Công ty CP Khoáng Sản & Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	996.742.801	996.742.801	2.736.576.051	2.736.576.051
Cộng	**996.742.801**	**996.742.801**	**2.736.576.051**	**2.736.576.051**

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
TT QLĐT& Khai thác Thuỷ lợi	2.769.697.000	2.769.697.000	5.489.936.000	5.489.936.000
BQLDA Nông Nghiệp Tỉnh Long An	8.249.059.000	8.249.059.000	-	-
BQLDA CRSD Tỉnh Khánh Hòa	1.845.750.900	1.845.750.900	-	-
Các đối tượng khác	1.511.774.000	1.511.774.000	3.306.825.280	3.306.825.280
Cộng	**14.376.280.900**	**14.376.280.900**	**8.796.761.280**	**8.796.761.280**

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2016 VND
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	1.165.667.089	3.506.146.463	4.194.986.281	476.827.271
Thuế thu nhập doanh nghiệp	330.339.620	693.195.040	933.250.836	90.283.824
Thuế thu nhập cá nhân	99.346.003	260.114.724	91.085.789	268.374.938
Thuế tài nguyên	28.574.220	45.732.000	28.574.220	45.732.000
Các loại thuế khác	6.082.690	22.178.400	16.442.590	11.818.500
Cộng	**1.630.009.622**	**4.527.366.627**	**5.264.339.716**	**893.036.533**

5.13. Chi phí phải trả

Là khoản trích trước giá vốn thi công công trình.

5.14. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng bảo hành công trình Công ty đã thi công.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.15. Phải trả khác ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Kinh phí công đoàn	70.201.000	49.473.000
Phải trả tiền thi công công trình	468.854.709	8.280.589.987
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.437.500	7.437.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	314.172.000	361.922.000
Cộng	**860.665.209**	**8.699.422.487**

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1.Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu	**Thặng dư vốn cổ phần**	**Quỹ đầu tư phát triển**	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ**	**Cộng**
	VND	**VND**	**VND**	**VND**	**VND**
Số dư tại ngày 01/01/2015	20.000.000.000	14.131.963.290	46.400.960.818	15.374.425.793	95.907.349.901
Tăng vốn trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	10.629.188.108	10.629.188.108
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.200.000.000	(10.200.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(174.425.793)	(174.425.793)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Giảm khác	-	(64.545.455)	-	-	(64.545.455)
Số dư tại ngày 30/06/2015	20.000.000.000	14.067.417.835	56.600.960.818	10.629.188.108	101.297.566.761
Tăng vốn trong 6 tháng cuối năm trước	16.000.000.000	6.985.290.345	-	-	22.985.290.345
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	9.941.508.661	9.941.508.661
Chia cổ tức	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2016	36.000.000.000	21.052.708.180	56.600.960.818	13.370.696.769	127.024.365.767
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	2.772.780.159	2.772.780.159
Trích quỹ đầu tư phát triển theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ ngày 29/04/2016	-	-	9.770.696.769	(9.770.696.769)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2016	**36.000.000.000**	**21.052.708.180**	**66.371.657.587**	**2.772.780.159**	**126.197.145.926**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.16.2.Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	36.000.000.000	36.000.000.000
Cộng	**36.000.000.000**	**36.000.000.000**

5.16.3.Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.600.000	3.600.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu:		
Doanh thu thi công công trình	34.750.794.616	58.348.283.796
Doanh thu khác	-	6.845.452
Cộng	**34.750.794.616**	**58.355.129.248**
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 5.27:		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	1.378.787.446	1.088.519.604
Công ty Cổ Phần Đầu tư & Xây Dựng 40	-	-
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	2.740.806.099	84.800.000
Cộng	**4.119.593.545**	**1.173.319.604**

5.18. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn thi công công trình	29.674.666.165	48.854.560.700
Giá vốn của hoạt động khác	-	8.594.000
Cộng	**29.674.666.165**	**48.863.154.700**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	32.849.147	189.030.475
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.500.006.000
Cộng	**32.849.147**	**4.689.036.475**

5.20. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	263.390.114	191.940.202
Chi phí tài chính khác	10.980.012	11.030.012
Cộng	**274.370.126**	**202.970.214**

5.21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	973.560.746	1.600.667.414
Chi phí đồ dùng văn phòng	36.045.455	122.472.936
Chi phí khấu hao TSCĐ	440.571.621	475.798.201
Thuế, phí và lệ phí	-	4.610.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.307.667.960	1.434.328.669
Cộng	**2.757.845.782**	**3.637.877.220**

5.22. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.400.000.000	2.328.618.310
Thu nhập khác	3.778.072	563.009
Cộng	**1.403.778.072**	**2.329.181.319**

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.729.920.319	34.983.569.283
Chi phí nhân công	8.307.171.316	8.217.181.740
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.587.394.325	4.973.780.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.162.849.907	4.203.411.527
Chi phí khác bằng tiền	1.246.876.558	1.416.494.781
Cộng	**35.034.212.425**	**53.794.438.110**

5.24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	3.465.975.199	12.357.931.779
Trừ: Ccác khoản điều chỉnh giảm	-	(4.500.006.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	3.465.975.199	7.857.925.779
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	693.195.040	1.728.743.671
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	**693.195.040**	**1.728.743.671**

5.25. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Là tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường.

5.26. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Là tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường.

5.27. Thông tin về các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
3. Công ty Cổ Phần Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
4. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	Công ty con
5. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng – Xem thêm mục 5.3:		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	625.165.717	745.347.854
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	254.315.241	377.849.628
Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng 40	-	5.214.854.666
Cộng	**879.480.958**	**6.338.052.148**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn – Xem thêm mục 5.5:		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	-	5.000.000.000
Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng 40	-	2.250.000.000
Cộng	**-**	**7.250.000.000**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Vay ngắn hạn – Xem thêm mục 5.9:		
Ông Hầu Văn Tuấn	470.000.000	-

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.10:		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	(996.742.801)	(2.736.576.051)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 5.17:		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	1.378.787.446	1.088.519.604
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	2.740.806.099	84.800.000
Cộng	**4.119.593.545**	**1.173.319.604**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng hóa và dịch vụ:		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	804.017.908	862.708.266

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Nhận cổ tức:		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	-	4.500.006.000

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vay:		
Ông Lê Đình Hiển	1.650.000.000	400.000.000
Ông Hầu Văn Tuấn	1.590.000.000	-
Cộng	**3.240.000.000**	**400.000.000**

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc được chi tiết như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị	236.000.000	240.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	849.150.000	537.000.000
Cộng	**1.085.150.000**	**777.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.28. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

6. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 29 tháng 08 năm 2016.

Lê Đình Hiển	**Hầu Văn Tuấn**	**Nguyễn Ngọc Dũng**
Tổng giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 08 năm 2016